TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc H; địa chỉ: khóm MT, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1959; địa chỉ: khóm MT, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn C tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã V (nay là phường TH, thành phố V), tỉnh Vĩnh Long ngày 05/11/2002. Sau khi kết hôn, bà và ông C sống tại địa chỉ ấp MT, xã TH, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông C sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì không còn hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Quá trình sống chung thường phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, vợ chồng hay gây gổ, cự cải nhau, ông C không quan tâm vợ con, vợ chồng cũng chịu đựng sống chung nhiều năm nhưng không giải quyết được mâu thuẫn.

Khi phát sinh mâu thuẫn bà cũng có tạo điều kiện cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông C không có thay đổi và vợ chồng vẫn không hàn gắn được, hai bên gia đình cũng không có khuyên ngăn nhưng ông C không thay đổi. Bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông C. Vì vậy, bà không thể hàn gắn đoàn tụ với ông C được và cương quyết xin ly hôn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Văn C theo đơn khởi kiện.

Về con chung: Quá trình sống chung bà và ông C có 03 người con chung tên Phạm Ngọc G, sinh năm 1984; Phạm Trọng N, sinh năm 1989 và Phạm Thị Ngân G, sinh năm 1997. Hiện nay tất cả đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn C: Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông C đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H. Cho bà Lê Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về án phí: Bà Lê Ngọc H phải chịu án phí ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Phạm Văn C cư trú tại địa chỉ khóm MT, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn Lê Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Bà Lê Ngọc H với ông Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã V (nay là phường TH, thành phố V), tỉnh Vĩnh Long ngày 05/11/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Bà Hương xác định vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Đối chiếu với quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", nhưng giữa bà H và ông C mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, vẫn không hàn gắn được. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông C là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung bà H và ông C có 03 người con chung tên Phạm Ngọc G, sinh năm 1984; Phạm Trọng N, sinh năm 1989 và Phạm Thị Ngân G, sinh năm 1997. Hiện nay tất cả đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà Lê Ngọc H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Ngọc H khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Ngọc H và ông Phạm Văn C.

2. Về nuôi con chung: Phạm Ngọc G, sinh năm 1984; Phạm Trọng N, sinh năm 1989 và Phạm Thị Ngân G, sinh năm 1997. Hiện nay tất cả đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản: Bà Lê Ngọc H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Ngọc H khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Ngọc H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001939 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND phường TH, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan